TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 39/2019/KDTM-ST Ngày: 26-7-2019 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Thủy

2. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phạm Hà Thiên Tâm - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2018/TLST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXXST-KDTM ngày 07 tháng 6 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số: 62/2019/QĐST-KDTM ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần Thương mại A
Địa chỉ: A60 đường E, phường E, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

Ông C, sinh năm: 1951

Địa chỉ: 212/327/9 đường T, phường Tân Định, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

(Đại diện theo ủy quyền, giấy ủy quyền số: 04-11-TĐTD–GUQ ngày 08/11/2018).

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại B.

Địa chỉ: 830/2 đường G, Phường H, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông D, sinh năm: 1971

Địa chỉ: 48/7 đường Y, phường K, Quận L, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 08 tháng 11 năm 2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại A có ông C là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Giữa Công ty Cổ phần Thương mại A (công ty A) và Công ty Cổ phần Thương mại B (công ty B) có ký hợp đồng kinh tế số 11/HĐ/AIT/2016 ngày 22/01/2016. Theo đó, các bên thỏa thuận công ty A bán cho công ty B 06 xe chuyển trộn bê tông hiệu HiNo với đơn giá 1.240.000.000 đồng/xe. Công ty A đã giao 06 xe như hợp đồng với tổng trị giá là 7.440.000.000 đồng và đã xuất đầy đủ hóa đơn cho công ty B. Công ty B đã thanh toán cho công ty A 6.865.960 đồng và công ty A, số tiền còn lại là 595.700.000 đồng, công ty B đã gửi công văn số: 01-04CV/TTcons-16 ngày 06/4/2016 về việc cam kết thanh toán nợ, theo đó công ty B cam kết thanh toán số tiền 595.700.000 đồng trong thời hạn 04 tháng với lãi suất 9%/năm. Tuy nhiên, cho đến nay công ty B không thanh toán mặc dù đã được công ty A nhiều lần gửi công văn nợ. Vì vậy, công ty A khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán ngay một lần số tiền 595.700.000 đồng, đồng thời yêu cầu bị đơn trả tiền lãi phạt do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo lãi suất I%/x150%/năm, tính từ ngày 06/4/2016 đến ngày xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông D trình bày:

Công ty B xác nhận có ký hợp đồng kinh tế số 11/HĐ/AIT/2016 ngày 22/01/2016 về việc mua 06 xe chuyển trộn bê tông hiệu HiNo với tổng giá trị của hợp đồng là 7.440.000.000 đồng và hiện nay còn nợ lại số tiền 595.700.000 đồng. Tuy nhiên, do công ty B bị các khách hàng khác nợ rất nhiều tiền, đặc thù ngành kinh doanh bê tông lại khó khăn dẫn đến việc công ty B không có khả năng trả nợ mà kéo dài đến ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, Công ty B đồng ý trả số tiền nợ còn lại 595.700.000 đồng nhưng không có khả năng trả ngay một lần mà xin được trả từ từ đến cuối năm 2019 sẽ dứt nợ và xin không phải trả tiền lãi vì khả năng trả nợ không còn.

Ngày 23/7/2019, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông C có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn Công ty Cổ phần Thương mại A và Công ty Cổ phần Thương mại B là tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ gốc:

Tại phiên tòa, phía bị đơn xác nhận nguyên đơn đã hoàn thành xong trách nhiệm theo hợp đồng, thừa nhận còn nợ lại nguyên đơn số tiền là 595.700.000 đồng và không phản đối với yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng do gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh nên không thể thanh toán ngay một lần số nợ cho nguyên đơn được mà xin trả chậm đến cuối năm 2019 sẽ dứt nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Phía bị đơn xác nhận nguyên đơn đã hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng. Như vậy, công ty B phải có nghĩa vụ thanh toán cho công ty A số tiền 7.440.000.000 đồng. Tuy nhiên, công ty B chỉ thanh toán số tiền 6.865.960 đồng, số tiền còn lại là 595.700.000 đồng công ty B không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán của mình mặc dù đã gửi công văn số: 01-04CV/TTcons-16 ngày 06/4/2016 cho công ty A và cam kết thanh toán số tiền 595.700.000 đồng trong thời hạn 04 tháng với lãi suất 9%/năm kể từ ngày 09/4/2016.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Thương mại quy định *"Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận"*.

Nguyên đơn nộp công văn số: 01-04CV/TTcons-16 ngày 06/4/2016 để làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình. Vì vậy, công văn số: 01-04CV/TTcons-16 ngày 06/4/2016 được xem như thỏa thuận thời hạn thanh toán mới giữa các bên. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định thời gian cuối cùng bị đơn có nghĩa vụ thanh toán số tiền 595.700.000 đồng cho nguyên đơn là ngày 06/8/2016 (04 tháng kể từ ngày 06/4/2016). Tuy nhiên, cho đến nay, bị đơn không thanh toán số nợ gốc còn thiếu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 595.700.000 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

- Đối với yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi:

Tại Điều 306 của Luật Thương mại quy định: Trong trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả. Qua tham khảo, mức lãi suất cho vay với doanh nghiệp của Ngân hàng nông nghiệp Phát triển nông thôn Việt Nam có lãi suất cho vay là 9.5%/năm; Ngân hàng TMCP Sài Gòn là 14.5%/năm và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là I%/năm. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 16,99%/năm, tương đương 0.0472%/ngày. Tuy nhiên, lãi suất nguyên đơn yêu cầu là 15%/ năm, tương đương với 0.041%/ngày, mức lãi suất này thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường nên được chấp nhận.

Thời gian chậm trả được xác định kể từ ngày 06/8/2016 đến ngày 26/7/2019 là 35 tháng 20 ngày. Như vậy, bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn được tính như sau:

595.700.000 đồng x 35 tháng x1.25% = 260.618.750 đồng

595.700.000 đồng x 0.041% x 20 ngày = 4.884.740 đồng

Tiền lãi bị đơn phải chịu là:

260.618.750 đồng + 4.884.740 đồng = 265.503.490 đồng

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 50, Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại B thanh toán cho Công ty Cổ phần Thương mại A số tiền 861.203.490 đồng (tám trăm sáu mươi mốt triệu, hai trăm lẻ ba ngàn, bốn trăm chín mươi) đồng (trong đó tiền gốc là: 595.700.000 đồng và tiền lãi là: 265.503.490 đồng).

Các đương sự thi hành ngay khi bản có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 37.836.104 đồng (ba mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi sáu ngàn, một trăm lẻ bốn) đồng, Công ty Cổ phần Thương mại B chịu. Công ty Cổ phần Thương mại A được nhận lại số tiền tiền tạm ứng án phí đã nộp là 18.398.006 đồng (mười tám triệu, ba trăm chín mươi tám ngàn, không trăm lẻ sáu) đồng theo biên lai thu tiền số 0016711 ngày 10 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày: Đối với đương sự có mặt kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ



Lê Thị Lan